

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: MARKETING CĂN BẢN
KỲ HÈ ĐỢT 2_ NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	1001020207	KD10C	000001	217	4.20	02
2	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	1001020187	KD10D	000002	140	5.80	02
3	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	1001021572	KD10E	000003	493	4.60	02
4	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	1001020129	KD10H	000004	306	4.20	02
5	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	1101020299	KD11A	000005	561	4.20	02
6	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	1101020217	KD11D	000006	679	4.00	02
7	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	1101020253	KD11D	000007	785	4.00	02
8	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	1101021013	KD11E	000008	824	4.20	02
9	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	1101020320	KD11E	000009	140	5.60	02
10	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	1101020325	KD11E	000010	217	4.20	02
11	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	1101021428	KD11E	000011	306	3.00	02
12	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	1001010081	NH10A	000012	493	3.40	02
13	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	1001010773	NH10A	000013	561	4.00	02
14	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	1001010800	NH10A	000014	679	4.00	02
15	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	1001010832	NH10A	000015			02
16	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	1101010841	NH11A	000016	785	3.20	02
17	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	1101010880	NH11A	000017	824	3.40	02
18	Vũ Khánh	Đức	05/11/2002	0810120557	NH8A	000018	140	6.00	02
19	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	1101070440	QL11A	000019			02
20	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	1101070449	QL11A	000020			02
21	Trần	Hoàn	09/07/2003	0901070609	QL9A	000021	306	2.60	02
22	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	1001030506	QM10B	000022			02
23	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	0901030245	QM11A	000023	493	6.00	02
24	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	1101031185	QM11A	000024	561	6.20	02
25	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	1101031191	QM11A	000025	679	6.00	02
26	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	1101030636	QM11A	000026	785	3.60	02
27	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	1101030650	QM11A	000027	824	3.80	02

28	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	1101030704	QM11A	000028	140	4.40	02
29	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	0901030090	QM9A	000029	217	4.00	02
30	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	1101030616	QT11A	000030	306	4.80	02
31	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	1101030628	QT11A	000031	493	4.60	02
32	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	0901030369	QT9B	000032	561	5.60	02
33	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	1001010905	TC10A	000033			02
34	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	1101080572	TM11A	000034	679	4.40	02

Tổng số bài: 29

Hưng Yên, Ngày 09 tháng 9 năm 2025

Cán bộ chấm 1

Nguyễn Thị Bích Hương

Cán bộ chấm 2

Nguyễn Minh Nhật